

TỔNG CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG I – CÔNG TY CỔ PHẦN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017



Tháng 04 năm 2018

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 – 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 – 33

3254
CÔ
T
TIỀN
V
H

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Mía Đường I - Công ty Cổ phần (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Hội	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Bà Trần Thị Lệ Châm	Ủy viên
Ông Lê Trung Thành	Ủy viên
Ông Cao Chiến Thắng	Ủy viên
Bà Nguyễn Hồng Phương	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Hội	Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Lệ Châm	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Mùi	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính này là Ông Nguyễn Văn Hội.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

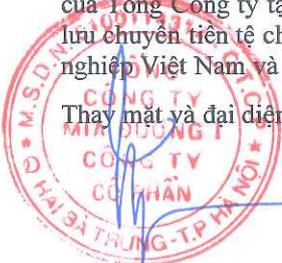
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Tổng Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và báo cáo tài chính riêng được lập tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tổng Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Văn Hội
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 04 năm 2018

Số: 179 /VACO/BCKT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Mía Đường I - Công ty Cổ phần

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Tổng Công ty Mía Đường I - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 09/04/2018, từ trang 03 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "Báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc số liệu báo cáo tài chính của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Bùi Ngọc Bình
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0657-2018-156-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 09 tháng 04 năm 2018

Đặng Minh Hạnh
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 3290-2015-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		994.714.982.435	871.351.148.967
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	67.324.485.340	44.595.635.839
1. Tiền	111		63.431.903.461	23.885.691.195
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.892.581.879	20.709.944.644
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		781.227.694.287	552.885.519.268
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	288.728.801.650	136.066.870.140
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	274.623.186.683	192.130.457.477
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	189.551.000.000	182.551.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	34.806.860.683	44.961.683.364
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(6.482.154.729)	(2.824.491.713)
III. Hàng tồn kho	140	11	129.679.416.636	243.516.035.610
1. Hàng tồn kho	141		129.679.416.636	243.516.035.610
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		16.483.386.172	30.353.958.250
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		14.201.148.800	27.787.962.038
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	2.282.237.372	2.565.996.212
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		288.952.103.913	278.760.523.957
I. Tài sản cố định	220		8.113.790.913	9.330.270.957
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	8.113.790.913	9.330.270.957
- Nguyên giá	222		13.827.258.625	15.057.454.625
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.713.467.712)	(5.727.183.668)
II. Đầu tư tài chính dài hạn	250	13	280.838.313.000	269.430.253.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		109.203.844.000	97.795.784.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		145.913.413.000	145.913.413.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		34.592.500.000	34.592.500.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(8.871.444.000)	(8.871.444.000)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.283.667.086.348	1.150.111.672.924

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		804.705.730.148	686.258.346.148
I. Nợ ngắn hạn	310		784.014.393.873	649.067.009.873
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	180.298.975.548	235.099.170.924
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	274.923.812.912	59.920.801.064
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	963.512.520	696.372.194
4. Phải trả người lao động	314		1.603.546.511	1.558.302.905
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	30.696.968.975	15.551.645.200
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		288.257.576	267.977.271
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	25.697.408.286	43.868.736.755
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	261.574.987.093	291.233.610.123
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7.966.924.452	870.393.437
II. Nợ dài hạn	330		20.691.336.275	37.191.336.275
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	17	20.691.336.275	37.191.336.275
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		478.961.356.200	463.853.326.776
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	478.907.465.386	463.799.435.962
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		430.490.990.000	430.490.990.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		430.490.990.000	430.490.990.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		10.412.517.759	8.078.575.039
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		38.003.957.627	25.229.870.923
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		6.098.431.537	-
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		31.905.526.090	25.229.870.923
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		53.890.814	53.890.814
1. Nguồn kinh phí	431		53.890.814	53.890.814
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.283.667.086.348	1.150.111.672.924



Nguyễn Văn Hội
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 09 tháng 04 năm 2018

Trần Thị Mùi
Kế toán trưởng

Trần Đình Tiến
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	1.426.160.894.439	1.278.731.974.496
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		1.426.160.894.439	1.278.731.974.496
4. Giá vốn hàng bán	11	23	1.394.373.951.222	1.217.375.316.422
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		31.786.943.217	61.356.658.074
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	50.057.957.306	61.044.200.410
7. Chi phí tài chính	22	26	20.110.810.988	32.220.864.063
- Trong đó: Chi phí lãi vay		23	20.070.551.490	12.814.471.309
8. Chi phí bán hàng	25	27	12.486.932.605	12.320.547.857
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	19.539.250.372	24.189.430.439
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		29.707.906.558	53.670.016.125
11. Thu nhập khác	31		2.961.832.642	5.828.986.760
12. Chi phí khác	32		764.213.110	2.629.234.658
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	28	2.197.619.532	3.199.752.102
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		31.905.526.090	56.869.768.227
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	-	3.839.400.789
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		31.905.526.090	53.030.367.438




Nguyễn Văn Hội
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 09 tháng 04 năm 2018


Trần Thị Mùi
Kế toán trưởng


Trần Đình Tiến
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	31.905.526.090	56.869.768.227
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	2	819.929.381	819.854.253
Các khoản dự phòng	3	3.657.663.016	48.348.385
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4	-	7.492.450
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	5	(50.022.194.290)	(61.124.827.564)
Chi phí lãi vay	6	20.070.551.490	12.814.471.309
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	6.431.475.687	9.435.107.060
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	9	(198.108.297.405)	(201.607.625.468)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	113.836.618.974	(157.151.112.913)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	162.548.795.466	(188.027.388.308)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	-	42.653.952
Tiền lãi vay đã trả	13	(23.492.281.457)	7.863.182.816
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(104.328.601)	(7.804.201.413)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	377.752.030
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(986.817.250)	(3.377.565.143)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	60.125.165.415	(540.249.197.387)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	-	(1.043.945.455)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	415.000.000	1.292.181.674
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(7.000.000.000)	(86.551.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	42.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(5.777.020.100)	(52.017.340.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	94.521.625.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	31.351.736.501	50.338.295.040
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	18.989.716.401	48.539.816.259
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	814.980.408.976	156.339.150.079
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(844.639.032.006)	2.172.615.044
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(26.727.409.284)	(63.197.096.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(56.386.032.314)	95.314.669.123
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	22.728.849.501	(396.394.712.005)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	44.595.635.839	440.997.840.294
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	(7.492.450)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	67.324.485.340	44.595.635.839



Nguyễn Văn Hội
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 09 tháng 04 năm 2018

Trần Thị Mùi
Kế toán trưởng

Trần Đình Tiến
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Mía Đường I - Công ty Cổ phần chuyển đổi từ Tổng Công ty Mía Đường I - Công ty TNHH Một thành viên, được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy Chứng nhận kinh doanh lần đầu số 0100114314 ngày 30/06/2010, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 25/03/2016.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh là 430.490.990.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2017 là 47 người (tại ngày 31/12/2016 là 56 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp; Trồng cây mía;
- Bán buôn thực phẩm;
- Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình công ích;
- Phá dỡ;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Sản xuất các loại bánh từ bột; Sản xuất đường, ca cao, sôcôla và mứt kẹo;
- Sản xuất rượu vang, bia và mạch nha ủ men bia; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Bán buôn đồ uống;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bìa; Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn, máy móc thiết bị, thiết bị điện;
- Lắp đặt máy móc thiết bị công nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa phân vào đâu;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại; Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)****Cấu trúc doanh nghiệp**

Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc sau: Công ty Thương mại Tư vấn & Đầu tư, Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Chi nhánh Xuất nhập khẩu thực phẩm và các công ty con, công ty liên doanh liên kết. Thông tin chi tiết về các công ty con/công ty liên kết của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Kỹ nghệ thực phẩm 19/5	Quận Sơn Tây, TP. Hà Nội	1.901.342	88,53%	88,53%	Kinh doanh các sản phẩm từ đường
Công ty Cổ phần Bia rượu NGK Viger	TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ	1.711.500	71,22%	71,22%	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu và nước giải khát
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	Huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang	7.988.134	62,19%	62,19%	Sản xuất chế biến đường
Tên công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty TNHH Đường mía Việt Nam - Đài	Huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa		17,50%	17,50%	Sản xuất sản phẩm đường mía
Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu	Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội	4.488.446	44,85%	44,85%	Sản xuất bánh, kẹo, thực phẩm

Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

- Các công ty con, công ty liên doanh, liên kết;
- Các cổ đông lớn: Công ty TNHH XNK và Chế biến gỗ Hợp Thịnh, Công ty TNHH Kim Hà Việt;
- Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty.

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Năm tài chính**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty đã áp dụng chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. LUẬT KẾ TOÁN MỚI

Luật Kế toán số 88/2015/HQH13 đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2015 có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017. Theo quy định tại Điều 28 - Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, do đó, Tổng Công ty chưa áp dụng giá trị hợp lý trong trình bày báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Văn phòng Tổng Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính Ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư số 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Tổng Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một Công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của Tổng Công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Tổng Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Tổng Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Tổng Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Tổng Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (Số năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	10 - 40
Máy móc thiết bị	05 - 12
Phương tiện vận tải	08 - 10
Thiết bị quản lý	05 - 08

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là bản quyền công nghệ phần mềm vi sinh Công ty được chuyển giao và phần mềm máy tính, tài sản được khấu hao trong 3 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế được phân phối và các quỹ được trích lập theo quyết định của đại hội đồng cổ đông và điều lệ Tổng Công ty.

Nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tổng Công ty/Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Nợ phải trả và chi phí phải trả (Tiếp theo)

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các chủ sở hữu.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo.***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản phương pháp dựa trên Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả kinh doanh và chỉ được ghi vào vốn chủ sở hữu nếu liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	620.297.192	1.741.448.797
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	62.811.606.269	22.144.242.398
Các khoản tương đương tiền (i)	3.892.581.879	20.709.944.644
Cộng	67.324.485.340	44.595.635.839

Ghi chú: (i) Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng với lãi suất tiền gửi 4,8%/năm. Các khoản tiền gửi ngân hàng này đang được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay trình bày ở Thuyết minh số 19.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<i>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i>	<i>288.728.801.650</i>	<i>136.066.870.140</i>
Công ty CP Mía Đường Sơn Dương	138.449.599.236	96.119.722.529
Chi nhánh Công ty CP Bánh kẹo Hải Châu	49.958.884.586	-
Công ty TNHH An Hà	32.175.000.000	13.902.560.001
Công ty CP TM và Dịch vụ Song Phương	29.686.999.895	6.209.999.991
Công ty TNHH Kim Hà Việt	17.345.000.000	-
Công ty CP Đầu Tư Vương Quốc Việt	8.480.000.000	-
Công ty Cổ phần Mía đường Trà Vinh	2.501.930.601	2.501.930.601
Công ty Cổ phần Kỹ nghệ thực phẩm 19/5	1.476.904.600	1.585.023.583
Công ty CP Bia Rượu NGK Viger	1.408.429.826	-
Công ty CP Lò hơi Ngõ Châu	124.921.165	124.921.165
Các đối tượng khác	7.121.131.741	15.622.712.270
<i>Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</i>	<i>208.640.161.498</i>	<i>59.503.598.560</i>
Công ty CP Bánh kẹo Hải Châu	49.958.884.586	3.142.599.978
Công ty CP Mía đường Sơn Dương	138.449.599.236	53.706.738.906
Công ty Cổ phần Kỹ nghệ thực phẩm 19/5	1.476.904.600	1.585.023.583
Công ty TNHH Đường Mía Việt Nam - Đài Loan	1.343.250	442.028.633
Công ty TNHH Kim Hà Việt	17.345.000.000	-
Công ty CP Bia Rượu NGK Viger	1.408.429.826	-
Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn	-	627.207.460

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>	<i>274.623.186.683</i>	<i>192.130.457.477</i>
Công ty TNHH Kim Hà Việt	-	49.931.489.999
Công ty CP Mía đường Sơn Dương	174.060.488.919	5.826.214.147
Công ty TNHH XNK & Chế biến gỗ Hợp Thịnh	50.177.733.333	36.777.733.333
Công ty CP Đầu Tư Vương Quốc Việt	8.447.899.997	16.500.000.000
Công ty CP Đầu tư Thương mại XNK Hải Nhung	6.009.999.200	30.306.320.000
Công ty TNHH Đức Lộc	10.300.000.000	30.300.000.000
Công ty SXTM Hải Hà	-	10.000.000.000
Các đối tượng khác	25.627.065.235	12.488.699.998
<i>Trong đó: Trả trước cho người bán là bên liên quan</i>	<i>225.202.402.231</i>	<i>93.499.617.459</i>
Công ty TNHH Đường mía Việt Nam - Đài Loan	964.179.980	964.179.980
Công ty TNHH Kim Hà Việt	-	49.931.489.999
Công ty TNHH XNK & Chế biến gỗ Hợp Thịnh	50.177.733.333	36.777.733.333
Công ty Mía đường Sơn Dương	174.060.488.919	5.826.214.147

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Công ty CP Mía đường Sơn Dương - Bên liên quan (i)	182.551.000.000	182.551.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại XNK Hải Nhung (ii)	7.000.000.000	-
Cộng	189.551.000.000	182.551.000.000

Ghi chú

(i): Là khoản ứng vốn cho Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương theo hợp đồng số 45/2014 - ĐSD&TCT.MĐI ngày 22/12/2014 kèm phụ lục số 01 ngày 29/01/2015, hợp đồng số 08/2015 - ĐSD&TCT.MĐI ngày 30/09/2015, hợp đồng số 10/2016-ĐSD&TCT.MĐI và hợp đồng số 11/2016-ĐSD&TCT.MĐI ngày 20/06/2016.

(ii): Là khoản cho vay theo Hợp đồng vay vốn số 130/HĐKT/MĐI-TCKT ngày 23/10/2017. Mục đích cho vay là để Công ty Hải Nhung hỗ trợ tổ chức chạy thử nhà máy Điện sinh khối Mía đường Tuyên Quang. Lãi suất cho vay là 8%/năm. Hợp đồng không quy định cụ thể thời gian cho vay.

9. PHẢI THU KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	34.806.860.683	-	44.961.683.364	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	243.874.549	-	19.425.167.854	-
Tạm ứng	356.899.630	-	550.014.511	-
Công ty CP Mía đường Sơn Dương - Bên liên quan	26.415.506.702	-	11.881.048.597	-
Phải thu phần CLTG với Công ty CP Mía đường Sơn Dương - Bên liên quan (i)	1.573.470.453	-	1.837.913.396	-
Công ty Cổ phần KNTP 19/5 - Bên liên quan	-	-	5.394.116.100	-
Công ty CP Thực phẩm Vạn Điểm	381.356.868	-	381.356.868	-
Công ty Cổ phần Mía đường Trà Vinh	4.546.910.863	-	4.769.028.202	-
Các đối tượng khác	1.288.841.618	-	723.037.836	-

Ghi chú: (i) Là khoản đánh giá lại chênh lệch tỷ giá phải trả nhà cung cấp Guangxi Mingyang Import and Export Trade Company Limited mà theo Hợp đồng số 35/2016/HĐ-ĐSD, Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương sẽ thanh toán khoản này cho Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG I - CÔNG TY CỔ PHẦN**MẪU SỐ B 09-DN**Số 17 Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng
Thành phố Hà NộiBan hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***10. NỢ XẤU**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Lilama Hà Nội	1.657.200.000	1.657.200.000	1.657.220.000	1.657.220.000
Công ty CP Thực phẩm Vạn Điểm	821.256.312	821.256.312	821.256.312	821.256.312
Công ty CP Bánh kẹo Hải Châu	100.000.000	100.000.000	-	-
Công ty Mía đường Trà Vinh	7048841464	3.524.420.732	-	-
Các đối tượng khác	451.926.102	379.277.685	1.614.516.180	346.015.401
Cộng	10.079.223.878	6.482.154.729	4.092.992.492	2.824.491.713

11. HÀNG TỒN KHO

	Cuối năm		Đầu năm (trình bày lại)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	36.303	-	131.229.020	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (i)	92.522.294.792	-	228.889.414.891	-
Hàng hóa	37.157.085.541	-	14.495.391.699	-
Cộng	129.679.416.636	-	243.516.035.610	-

Ghi chú

(i): Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là các chi phí tập hợp của dự án thiết kế, cung cấp dịch vụ kỹ thuật, mua sắm thiết bị và vật tư xây lắp công trình nhà máy điện sinh khối mía đường Tuyên Quang công suất 25MW, TBA - trạm cắt cao thế theo Hợp đồng số 35/2016/HĐ-ĐSD ngày 15/03/2016 giữa Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương và Liên danh nhà thầu là Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Lisemco 2.

TỔNG CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG I - CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 17 Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B 09-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***12. TĂNG GIÁM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Số đầu năm	8.690.466.403	6.222.076.000	144.912.222	15.057.454.625
Giảm do thanh lý, nhượng bán	-	(1.230.196.000)	-	(1.230.196.000)
Số cuối năm	8.690.466.403	4.991.880.000	144.912.222	13.827.258.625
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số đầu năm	4.344.250.956	1.238.020.490	144.912.222	5.727.183.668
Khấu hao trong năm	282.745.996	537.183.385	-	819.929.381
Giảm do thanh lý, nhượng bán	-	(833.645.337)	-	(833.645.337)
Số cuối năm	4.626.996.952	941.558.538	144.912.222	5.713.467.712
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số đầu năm	4.346.215.447	4.984.055.510	-	9.330.270.957
Số cuối năm	4.063.469.451	4.050.321.462	-	8.113.790.913

Giá trị còn lại của tài sản cố định là tài sản đảm bảo cho các khoản vay tại ngày 31/12/2017 là 3.176.569.392 VND (tại ngày 31/12/2016 là 3.505.563.938 VND) như trình bày ở Thuyết minh số 19.

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2017 là 144.912.222 VND (tại ngày 31/12/2016 là 144.912.222 VND).

TỔNG CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG I - CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 17 Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B 09-DNBan hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND
a) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
- Đầu tư vào công ty con	109.203.844.000	(8.871.444.000)	-	97.795.784.000
Công ty Cổ phần Kỹ nghệ thực phẩm 19/5	20.279.504.000	(8.871.444.000)	(*)	8.871.444.000
Công ty Cổ phần Bia rượu NGK Viger	17.987.000.000	-	(*)	17.987.000.000
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	70.937.340.000	-	(*)	70.937.340.000
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	145.913.413.000	-	-	145.913.413.000
Công ty TNHH Đường mía Việt Nam - Đài Loan	97.186.320.000	-	(*)	97.186.320.000
Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu	48.727.093.000	-	(*)	48.727.093.000
- Đầu tư vào đơn vị khác	34.592.500.000	-	-	34.592.500.000
Tổng Công ty Mía đường II	34.592.500.000	-	(*)	34.592.500.000
Cộng	289.709.757.000	(8.871.444.000)	-	278.301.697.000
				(8.871.444.000)

Ghi chú (*): Tổng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý tại ngày kết thúc niên độ kế toán của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính bởi không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này, các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi số.

TỔNG CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG I - CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 17 Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

MÃ SỐ B 09-DNBan hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP THEO)**

b) Thông tin chi tiết về các Công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Kỹ nghệ thực phẩm 19/5	Quận Sơn Tây, TP. Hà Nội	1.901.342	88,53%	88,53%	Kinh doanh các sản phẩm từ đường
Công ty Cổ phần Bia rượu NGK Viger	TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ	1.711.500	71,22%	71,22%	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu và nước giải khát
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	Huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang	7.988.134	62,19%	62,19%	Sản xuất chế biến đường

Tình hình hoạt động của các Công ty con trong năm như sau: Công ty Cổ phần Kỹ nghệ thực phẩm 19/5 lỗ, Công ty Cổ phần Bia rượu NGK Viger và Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương lãi.

Toàn bộ phần vốn góp vào Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương tương ứng với 1.548.000 cổ phần được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay trình bày ở Thuyết minh số 19.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP THEO)****c) Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:**

Tên công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty TNHH Đường mía Việt Nam - Đài	Huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa		17,50%	17,50%	Sản xuất sản phẩm đường mía
Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu	Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội	4.488.446	44,85%	44,85%	Sản xuất bánh, kẹo, thực phẩm

Tình hình hoạt động của các công ty liên doanh, liên kết trong năm đều lãi.

Khoản đầu tư vào Công ty TNHH Đường mía Việt Nam - Đài Loan được dùng làm tài sản thế chấp cho khoản vay trình bày ở Thuyết minh số 19.

d) Chi tiết về khoản đầu tư dài hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

Là khoản đầu tư góp vốn vào Tổng Công ty Mía Đường II với số lượng là 3.425.000 cổ phiếu chiếm 5% vốn điều lệ.

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán ngắn hạn	180.298.975.548	180.298.975.548	235.099.170.924	235.099.170.924
Công ty CP Mía đường Sơn Dương	-	-	126.563.343.080	126.563.343.080
Guangxi Mingyang Import and Export Trade Company Limited	69.180.737.650	69.180.737.650	84.768.849.650	84.768.849.650
Công ty TNHH Phát Đại Lợi	12.090.560.000	12.090.560.000	-	-
Công ty TNHH Văn Chương	10.658.722.564	10.658.722.564	-	-
Công ty TNHH Hồng Dương	8.819.643.500	8.819.643.500	-	-
Công ty CP Xuất nhập khẩu Hà Anh	7.442.750.000	7.442.750.000	8.535.812.000	8.535.812.000
Các đối tượng khác	72.106.561.834	72.106.561.834	15.231.166.194	15.231.166.194
b) Phải trả người bán là bên liên quan	325.435.247	325.435.247	128.667.807.930	128.667.807.930
Công ty CP Mía đường Sơn Dương	-	-	126.563.343.080	126.563.343.080
Công ty TNHH Một thành viên Viger Hà Nội	325.435.247	325.435.247	2.104.464.850	2.104.464.850

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn	274.923.812.912	59.920.801.064
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	228.616.973.251	39.863.850.000
Công ty TNHH Đức Lộc	23.606.125.004	-
Công ty CP Bánh kẹo Hải Châu	9.669.265.028	-
Công ty CP Bia Rượu NGK Viger	4.000.000.000	-
Công ty TNHH SX TM Hải Hà	6.132.067.503	-
Công ty CP Đầu Tư Vương Quốc Việt	-	15.570.120.000
Các đối tượng khác	2.899.382.126	4.486.831.064
a) Người mua trả tiền trước là bên liên quan	242.286.238.279	41.642.864.672
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	228.616.973.251	39.863.850.000
Công ty Cổ phần Bia rượu NGK Viger	4.000.000.000	1.669.215.280
Công ty TNHH Một thành viên Viger Hà Nội	-	109.799.350
Chi nhánh Công ty CP bánh kẹo Hải Châu	9.669.265.028	42

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
a) Phải nộp	696.372.194	4.228.264.637	3.961.124.311	963.512.520
Thuế giá trị gia tăng	69.274.870	3.341.993.480	2.963.612.610	447.655.740
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	104.328.601	104.328.601	-
Thuế thu nhập cá nhân	622.623.421	637.782.474	744.549.115	515.856.780
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	4.473.903	144.160.082	148.633.985	-
b) Phải thu	2.565.996.212	370.721.260	86.962.420	2.282.237.372
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.246.295.354	-	-	2.246.295.354
Thuế nhập khẩu	-	51.020.402	86.962.420	35.942.018
Thuế giá trị gia tăng	319.700.858	319.700.858	-	-

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ngắn hạn	30.696.968.975	15.551.645.200
Chi phí lãi vay phải trả khác (i)	19.700.000.000	7.200.000.000
Lãi vay dự trả	1.281.594.285	732.063.625
Phải trả cho Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Hải Nhung	6.459.836.781	6.214.348.662
Phí vận chuyển	1.824.100.000	1.262.082.255
Các đối tượng khác	1.431.437.909	143.150.658
Dài hạn	20.691.336.275	37.191.336.275
Chi phí lãi vay phải trả khác (i)	20.691.336.275	37.191.336.275

Ghi chú: (i) Theo biên bản làm việc ngày 28/02/2017 giữa Tổng Công ty và Sở giao dịch Agribank. Tổng Công ty đã phân loại lại thành khoản phải trả ngắn hạn và dài hạn.

TỔNG CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG I - CÔNG TY CỔ PHẦNSố 17 Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng
Thành phố Hà Nội**MẪU SỐ B 09-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Phải trả tiền cổ tức (i)	3.529.604.016	21.647.193.500
Phải trả Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước khoản tiền thoái vốn nhà nước (ii)	19.148.900.305	19.148.900.305
Lãi phải trả	2.729.225.884	2.700.486.511
Kinh phí công đoàn	9.579.549	24.334.168
Bảo hiểm phải nộp	27.628.415	21.234.695
Các khoản phải trả khác	252.470.117	326.587.576
Cộng	<u>25.697.408.286</u>	<u>43.868.736.755</u>

Ghi chú:

- (i) Khoản cổ tức còn phải trả cho các cổ đông theo các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 980/NQ-HC-ĐHĐCĐ ngày 16/05/2017.
- (ii) Khoản lãi chậm nộp quỹ tiền bán phần vốn phải nộp về Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước theo Công văn số 945/ĐTKDV-TCKT ngày 26/04/2016.

TỔNG CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG I - CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 17 Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B 09-DNBan hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giảm	Tăng	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	261.574.987.093	261.574.987.093	844.639.032.006	814.980.408.976	291.233.610.123	291.233.610.123
Ngân hàng TMCP Quân đội	100.006.827.267	100.006.827.267	366.276.448.902	385.703.467.669	80.579.808.500	80.579.808.500
Ngân hàng TMCP Công thương - CN Hoàn Kiếm	75.000.000.000	75.000.000.000	267.125.000.000	274.940.000.000	67.185.000.000	67.185.000.000
Ngân hàng TMCP An Bình	49.992.000.000	49.992.000.000	144.502.371.294	86.253.174.660	108.241.196.634	108.241.196.634
Ngân hàng Eximbank	28.812.083.280	28.812.083.280	60.851.211.810	59.860.090.101	29.803.204.989	29.803.204.989
Vay cá nhân	7.764.076.546	7.764.076.546	5.884.000.000	8.223.676.546	5.424.400.000	5.424.400.000

Chi tiết về các khoản vay, như: Giải ngân, thời hạn hoàn trả gốc, lãi vay, tài sản đảm bảo, tài sản thế chấp, lãi suất, đáo hạn, ân hạn, mục đích sử dụng tiền vay được thể hiện trong từng hợp đồng vay ký giữa Tổng Công ty với tổ chức tín dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số đầu năm trước	430.490.990.000	5.666.028.508	42.563.263.659	478.720.282.167
Lãi / (lỗ) trong năm	-	-	53.030.367.438	53.030.367.438
Chi trả cổ tức	-	-	(64.573.648.500)	(64.573.648.500)
Phân phối lợi nhuận	-	2.412.546.531	(5.790.111.674)	(3.377.565.143)
Số đầu năm nay	430.490.990.000	8.078.575.039	25.229.870.923	463.799.435.962
Lãi / (lỗ) trong năm	-	-	31.905.526.090	31.905.526.090
Chi trả cổ tức (i)	-	-	(8.609.819.800)	(8.609.819.800)
Phân phối lợi nhuận (i)	-	2.333.942.720	(10.417.290.985)	(8.083.348.265)
Chi khác (ii)	-	-	(104.328.601)	(104.328.601)
Số cuối năm nay	430.490.990.000	10.412.517.759	38.003.957.627	478.907.465.386

Ghi chú:

(i) Trong năm, Tổng Công ty phân phối lợi nhuận, chia cổ tức của năm 2016 trên vốn điều lệ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 980/NQ-HC-ĐHĐCĐ ngày 16/05/2017. Chi tiết như sau:

- Trích quỹ đầu tư phát triển: 2.333.942.720 VND.
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi: 3.267.519.822 VND.
- Trích thưởng vượt mức lợi nhuận: 4.815.828.443 VND.
- Chia cổ tức : 30.134.369.300 VND, trong đó giá trị chia trong năm 2016 là 21.524.549.500 VND, chia trong năm 2017 là 8.609.819.800 VND.
- Số cổ tức thực trả trong năm là 26.290.376.415 VND.

(ii) Chi khác là khoản truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp theo Biên bản kiểm tra thuế ngày 18/09/2017 của Cục thuế thành phố Hà Nội.

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Công ty TNHH XNK & TM Hợp Thịnh	197.164.870.000	45,80%	219.550.400.000	51,00%
Công ty TNHH Kim Hà Việt	152.328.750.000	35,38%	152.328.750.000	35,38%
Tổng Công ty Mía đường II	34.250.000.000	7,96%	34.250.000.000	7,96%
Công ty CP Mía đường Lam Sơn	22.801.730.000	5,30%	2.928.850.000	0,68%
Vốn góp của các đối tượng khác	23.945.640.000	5,56%	21.432.990.000	4,98%
Cộng	430.490.990.000	100%	430.490.990.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	430.490.990.000	430.490.990.000
- Vốn góp đầu năm	430.490.990.000	430.490.990.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	430.490.990.000	430.490.990.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	26.290.376.415	64.573.648.500

TỔNG CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG I - CÔNG TY CỔ PHẦNSố 17 Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng
Thành phố Hà Nội**MẪU SỐ B 09-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

d) Tình hình phát hành cổ phiếu của Tổng Công ty	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	43.049.099	43.049.099
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	43.049.099	43.049.099
- Cổ phiếu phổ thông	43.049.099	43.049.099
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	43.049.099	43.049.099
- Cổ phiếu phổ thông	43.049.099	43.049.099
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ	-	16.906.900
2. Nợ khó đòi đã xử lý	-	14.116.925.089
3. Ngoại tệ các loại		
USD	622404,2	100,00

22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	(trình bày lại) VND
a) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.426.160.894.439	1.278.731.974.496
Doanh thu bán hàng hóa	1.260.989.269.412	1.181.713.919.352
Doanh thu cung cấp dịch vụ	165.171.625.027	97.018.055.144
b) Doanh thu đối với các bên liên quan	867.888.832.225	228.305.590.162
Công ty Cổ phần mía đường Sơn Dương	292.815.479.847	179.331.337.896
Công ty Cổ phần bánh kẹo Hải Châu	530.003.552.072	40.014.453.358
Công ty Cổ phần Kỹ nghệ thực phẩm 19/5	4.175.889.000	3.324.975.530
Công ty TNHH Đường mía Việt Nam - Đà Loan	-	1.830.861.216
Công ty CP Bia Rượu NGK Viger	22.200.675.687	1.473.378.600
Công ty TNHH Một thành viên Viger Hà nội	2.174.188.000	1.353.678.800
Công ty TNHH Kim Hà Việt	16.519.047.619	976.904.762
Cộng	1.426.160.894.439	1.278.731.974.496
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại	-	-
Giảm giá hàng bán	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.426.160.894.439	1.278.731.974.496

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	Năm trước
	VND	(trình bày lại) VND
Giá vốn hàng bán	1.231.889.625.405	1.123.057.832.981
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	162.484.325.817	94.317.483.441
Cộng	1.394.373.951.222	1.217.375.316.422

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***24. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	10.140.181.918	327.706.489.967
Chi phí nhân công	11.311.638.724	45.191.215.840
Chi phí khấu hao tài sản cố định	819.929.381	12.346.628.584
Chi phí dịch vụ mua ngoài	40.518.115.540	331.562.977.129
Chi phí bằng tiền khác	4.371.017.863	13.306.665.252
Cộng	67.160.883.426	730.113.976.772

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	(trình bày lại) VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	15.288.543.953	22.394.760.300
Cổ tức, lợi nhuận được chia	34.715.201.000	22.666.762.400
Lãi từ chuyển nhượng vốn góp	-	15.672.875.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	54.212.353	175.879.244
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	133.923.466
Cộng	50.057.957.306	61.044.200.410

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền vay	20.053.157.854	12.814.471.309
Lãi chậm nộp	-	19.148.900.304
Lỗ chênh lệch tỷ giá	57.653.134	7.492.450
Chi phí tài chính khác	-	250.000.000
Cộng	20.110.810.988	32.220.864.063

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	(trình bày lại) VND
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên quản lý	9.010.104.610	13.015.713.071
Chi phí thù lao Hội đồng Quản trị	1.153.096.556	1.499.756.499
Chi phí đồ dùng văn phòng	144.418.602	599.530.333
Chi phí khấu hao tài sản cố định	746.219.177	1.064.787.101
Chi phí dự phòng	3.524.420.732	80.437.239
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.637.413.628	2.641.170.903
Chi phí bằng tiền khác	2.323.577.067	5.288.035.293
Cộng	19.539.250.372	24.189.430.439
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	1.615.284.114	3.652.436.419
Chi phí vật liệu, bao bì	3.270.000	127.679.190
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.890.150.142	7.190.524.443
Chi phí bằng tiền khác	978.228.349	1.349.907.805
Cộng	12.486.932.605	12.320.547.857

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

28. LỢI NHUẬN KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập khác		
Thu từ thanh lý tài sản cố định	50.546.691	390.429.864
Thu nhập từ hoạt động cho thuê nhân sự	1.687.674.240	2.283.621.265
Khoản thu hộ tiền thù lao	810.008.500	1.385.433.600
Vật tư nhập kho	-	1.380.923.000
Thu nhập khác	17.052.548	388.579.031
Cộng	2.565.281.979	5.828.986.760
Chi phí khác		
Khoản chi trả hộ tiền thù lao	-	1.638.693.500
Tiền phạt chậm nộp thuế	57.116.028	45.872.225
Chi phí khác	310.546.419	944.668.933
Cộng	367.662.447	2.629.234.658
Lợi nhuận khác	2.197.619.532	3.199.752.102

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước (trình bày lại) VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại		
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	31.905.526.090	95.427.026.066
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(34.105.147.412)	(30.098.626.132)
Trừ: Chi phí dự phòng điều chỉnh hồi tố	-	(7.514.149.637)
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(34.715.201.000)	(22.666.762.400)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	610.053.588	82.285.905
Thu nhập chịu thuế	(2.199.621.322)	65.328.399.934
Thu nhập chịu thuế hưởng thuế suất ưu đãi	-	-
Thu nhập chịu thuế hưởng thuế suất thông thường	(2.199.621.322)	65.328.399.934
Thuế suất ưu đãi	0%	0%
Thuế suất thông thường	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	3.839.400.789
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	3.839.400.789

Trong năm 2017, Tổng Công ty không phát sinh thu nhập chịu thuế. Ngoài chi phí không được trừ nêu trên, Công ty xác định thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở đánh giá lợi nhuận kế toán không có sự khác biệt đáng kể so với lợi nhuận cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của Tổng Công ty thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của Tổng Công ty (bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Các khoản vay	261.574.987.093	291.233.610.123
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(67.324.485.340)	(44.595.635.839)
Nợ thuần	194.250.501.753	246.637.974.284
Vốn chủ sở hữu	478.907.465.386	463.799.435.962
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	40,6%	53,2%

Các loại công cụ tài chính

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	67.324.485.340	44.595.635.839
Phải thu khách hàng và phải thu khác	317.053.507.604	178.204.061.791
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-
Tổng cộng	384.377.992.944	222.799.697.630
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	261.574.987.093	291.233.610.123
Phải trả người bán và phải trả khác	183.317.879.513	238.171.813.874
Chi phí phải trả	51.388.305.250	52.742.981.475
Tổng cộng	496.281.171.856	582.148.405.472

Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro thị trường, bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá hàng hóa, rủi ro tín dụng và các rủi ro về giá khác như cổ phiếu.

Rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất của Tổng Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi và các khoản vay. Tổng Công ty chịu rủi ro khi lãi suất biến động. Rủi ro này sẽ do Tổng Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản tiền gửi, tiền vay với lãi suất cố định và lãi suất thả nổi, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường, theo dõi sự biến động của nền kinh tế trong nước và thế giới để có được các lãi suất có lợi cho Tổng Công ty và sử dụng các đòn bẩy tài chính hiệu quả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Rủi ro về giá hàng hóa*

Tổng Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc một hợp đồng mà khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình, nên làm cho Tổng Công ty bị tổn thất về tài chính. Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro tín dụng chủ yếu đối với các khoản phải thu và từ hoạt động tài chính như tiền gửi ngân hàng.

Đối với các khoản phải thu khách hàng: Tổng Công ty quản lý rủi ro đối với các khoản phải thu dựa trên các chính sách, thủ tục kiểm soát cũng như dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tổng Công ty theo dõi chặt chẽ các khoản phải thu, phân tích tình hình tín dụng của từng khách hàng tại từng thời điểm.

Đối với tiền gửi ngân hàng: Tổng Công ty duy trì thực hiện gửi tiền tại các ngân hàng mà Tổng Công ty đánh giá là có uy tín và có quan hệ lâu năm với Tổng Công ty.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết mà Tổng Công ty nắm giữ sẽ bị ảnh hưởng bởi biến động về giá cổ phiếu trên thị trường cũng như tính không chắc chắn về giá trị cổ phiếu trong tương lai. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thường xuyên phân tích diễn biến của thị trường và cổ phiếu của doanh nghiệp Tổng Công ty đầu tư, đưa ra hạn mức đầu tư hợp lý. Mặt khác, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Rủi ro thanh khoản

Đây là rủi ro khi Tổng Công ty gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn, chủ yếu là do các tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Tính thanh khoản được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****Rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 1 - 5 năm</u> VND	<u>Tổng</u> VND
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	67.324.485.340	-	67.324.485.340
Phải thu khách hàng và phải thu khác	317.053.507.604	-	317.053.507.604
Tổng cộng	384.377.992.944	-	384.377.992.944
Số cuối năm			
Các khoản vay	261.574.987.093	-	261.574.987.093
Phải trả người bán và phải trả khác	183.317.879.513	-	183.317.879.513
Chi phí phải trả	30.696.968.975	20.691.336.275	51.388.305.250
Tổng cộng	475.589.835.581	20.691.336.275	496.281.171.856
Chênh lệch thanh khoản thuần	(91.211.842.637)	(20.691.336.275)	(111.903.178.912)

	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 1 - 5 năm</u> VND	<u>Tổng</u> VND
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	44.595.635.839	-	44.595.635.839
Phải thu khách hàng và phải thu khác	178.204.061.791	-	178.204.061.791
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-
Tổng cộng	222.799.697.630	-	222.799.697.630
Số đầu năm			
Các khoản vay	291.233.610.123	-	291.233.610.123
Phải trả người bán và phải trả khác	238.171.813.874	-	238.171.813.874
Chi phí phải trả	15.551.645.200	37.191.336.275	52.742.981.475
Tổng cộng	544.957.069.197	37.191.336.275	582.148.405.472
Chênh lệch thanh khoản thuần	(322.157.371.567)	(37.191.336.275)	(359.348.707.842)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

31. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán. Do ảnh hưởng của việc điều chỉnh số liệu theo Biên bản kiểm tra thuế ngày 18/09/2017 của Cục thuế thành phố Hà Nội, một số số liệu đã được điều chỉnh hồi tố như sau:



Nguyễn Văn Hội
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 04 năm 2018

Trần Thị Mùi
Kế toán trưởng

Trần Đình Tiến
Người lập